

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỒ ÁN/ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY TÍN CHỈ
(ĐỢT THÁNG 03 NĂM 2025)**

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-CĐXD ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế học vụ đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-CĐXD ngày 07/09/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế học vụ đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tín chỉ;

Căn cứ Chương trình đào tạo khóa 2020, 2021, 2022, 2023 và Kế hoạch đào tạo năm học 2024-2025, Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kế hoạch thực hiện đồ án/ khóa luận tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng chính quy tín chỉ khóa 2020, 2021, 2022, ngành Trắc địa công trình khóa 2023 và sinh viên cao đẳng liên thông chính quy tín chỉ khóa 2022 đợt tháng 03/2025 như sau:

1. Quy định về làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp:

Nhà trường quy định về việc thực hiện đồ án/ khóa luận tốt nghiệp, cụ thể như sau:

Làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên cao đẳng chính quy tín chỉ khối ngành kỹ thuật, công nghệ khóa 2020, 2021, 2022, ngành Trắc địa công trình khóa 2023 và sinh viên cao đẳng liên thông chính quy tín chỉ khóa 2022 đủ điều kiện làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp. Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 05 tín chỉ.

2. Điều kiện và thời gian làm đồ án/ khóa luận:

a) Điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp:

- Điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm xét đạt từ 2,0 (5.5 theo thang điểm 10) trở lên, đạt 80% thời lượng chương trình đào tạo trở lên đối với sinh viên cao đẳng chính quy tín chỉ và sinh viên cao đẳng liên thông chính quy tín chỉ khóa 2022 cụ thể:

Stt	Ngành đào tạo	Thời lượng chương trình đào tạo phải đạt		Ghi chú
		Khoá 2020	Khoá 2021, 2022	
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	64	69	
2	Công nghệ kỹ thuật giao thông	60	67	
3	Quản lý xây dựng	60	68	

4	Cấp, thoát nước	60	68	
5	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	60	63	
6	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	60	63	
7	Thiết kế nội thất	60	61	
8	Quản lý tòa nhà		66	
9	Trắc địa công trình		48	Sv khóa 2023

- Đạt yêu cầu các học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo (có danh sách các học phần đính kèm, được Ban Giám hiệu phê duyệt).

- Đã hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp thuộc chương trình đào tạo.

- Trong mỗi học kỳ, mỗi giảng viên được hướng dẫn số lượng đồ án/ khóa luận tốt nghiệp như sau :

CHỨC DANH	HƯỚNG DẪN	THÂM NIÊN
Giảng viên	≤ 5 sinh viên	≥ 3 năm giảng dạy
Giảng viên chính, Phó Giáo sư	≤ 8 sinh viên	
Thỉnh giảng	≤ 4 sinh viên	≥ 3 năm giảng dạy

*** Sinh viên không đủ điều kiện thực hiện đồ án/ khóa luận tốt nghiệp đợt này sẽ được tổ chức thực hiện vào đợt tháng 10/2025.

b) Học phí và lệ phí bảo vệ tốt nghiệp:

- Sinh viên đóng học phí theo quy định của học phần đồ án/ khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo (1 tín chỉ đồ án/ khoá luận tốt nghiệp = 3 tín chỉ học phí).

- Sinh viên đóng học phí : trước ngày 14/03/2025 tại Phòng Tài chính – Kế toán.

c) Thời gian làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp:

- Thời gian làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp, phân biện, bảo vệ: Tối đa 12 tuần

- Các mốc thời gian cụ thể như sau:

Stt	Công việc	Thời gian	Đơn vị chủ trì
1	Sinh viên đăng ký đề tài, nhận giảng viên hướng dẫn (kèm bảng điểm cá nhân, có xác nhận của Phòng Đào tạo)	24/02 – 28/02/2025	Khoa/ Bộ môn/ TTĐT Phòng Đào tạo
2	Lập danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp chuyển Phòng Đào tạo	03/03 – 05/03/2025	Khoa/ BM/ TTĐT;
3	Cập nhật danh sách đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp lên phần mềm để Phòng Tài chính – Kế toán thu học phí	06/03 – 07/03/2025	P. Đào tạo
4	Sinh viên đóng học phí tại Phòng Tài chính – Kế toán	10/03- 14/03/2025	Sinh viên – P. TC- Kế toán
5	Thời gian thực hiện đồ án/ khóa luận tốt nghiệp	17/03/2025 –	Khoa/ Bộ môn;

6	Lập danh sách sinh viên đóng học phí chuyên Phòng Đào tạo và các Khoa/ Bộ môn/ TTĐT	17/03 - 21/03/2025	P. TC- Kế toán
7	Thời gian phản biện (sơ khảo) đồ án/ khóa luận tốt nghiệp	26/05 – 30/05/2025	Khoa/ Bộ môn; Giảng viên
8	Thành lập hội đồng bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp	26/05 - 28/05/2025	Khoa/BM; P. Đào tạo
9	Thời gian bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp	02/06 – 06/06/2025	Hội đồng

Các Khoa/ Bộ môn/ TTĐT chuyên ngành có trách nhiệm công bố đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, giảng viên tham gia hội đồng và triển khai tổ chức thực hiện các nội dung liên quan nêu trên theo đúng quy định hiện hành và những nội dung được cụ thể hóa trong phần sau.

3. Đánh giá đồ án/ khoá luận tốt nghiệp:

a) Đồ án/ khoá luận tốt nghiệp sau khi thực hiện xong sẽ được đánh giá tùy theo các đơn vị đào tạo lựa chọn các hình thức sau:

- Mỗi đồ án/ khóa luận tốt nghiệp phải được chấm phản biện hoặc chấm sơ khảo trước khi ra Hội đồng. Trong đó, chấm phản biện do 01 cán bộ thực hiện, chấm sơ khảo do Khoa/ BM/ TTĐT thành lập hội đồng gồm 03 thành viên thực hiện. Điểm phản biện/ sơ khảo đạt từ 5.0 trở lên mới được bảo vệ tốt nghiệp.

- Mỗi đồ án/ khóa luận tốt nghiệp phải được bảo vệ trước Hội đồng bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp. Hội đồng bao gồm 05 thành viên (bao gồm chủ tịch và thư ký hội đồng).

b) Điểm đánh giá đồ án/ khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 như sau:

- Kết quả điểm của đồ án/ khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm: Hướng dẫn (hệ số 1); Phản biện/ sơ khảo (hệ số 1); Trung bình cộng các điểm của 05 thành viên hội đồng bảo vệ (hệ số 3), trường hợp hội đồng có giảng viên hướng dẫn hoặc phản biện thì người hướng dẫn hoặc phản biện không cho điểm bảo vệ); được làm tròn đến 1 chữ số thập phân trước khi chuyển sang điểm chữ. Kết quả các điểm thành phần không được lệch quá 2 điểm so với điểm trung bình của hội đồng bảo vệ.

- Ý kiến nhận xét và điểm chấm được ghi trên Phiếu chấm do Khoa/ BM/ TTĐT lập.

- Sau khi bảo vệ, Khoa/ BM/ TTĐT có trách nhiệm công bố kết quả đồ án/ khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên và chuyển bản gốc về phòng Đào tạo trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày bảo vệ.

- Điểm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

c) Hội đồng bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp do Khoa/ BM/ TTĐT chuyên ngành đề nghị. Trưởng khoa/ BM/ TTĐT thuộc trường đề nghị danh sách giảng viên chấm bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp chuyển về Phòng Đào tạo trước thời gian quy định 02 tuần để trình Hiệu trưởng quyết định.

Người tham gia chấm hoặc bảo vệ đồ án/ khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Giảng viên trong và ngoài trường có ít nhất 3 năm giảng dạy cao đẳng trở lên.

- Công chức ở các cơ quan hoặc doanh nghiệp có trình độ tốt nghiệp đại học hệ chính quy trở lên và có thâm niên công tác tối thiểu 3 năm.

d) Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp.

Yêu cầu các Phòng, Khoa/ BM/ TTĐT tổ chức thực hiện và thông báo các nội dung trên đến tất cả sinh viên có liên quan./ *cha*

Nơi nhận:

- BLD (b/c);
- Các phòng ban;
- Khoa/BM/TTĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ThS. *Lê Khắc Toàn*





BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC HỌC PHẦN TIÊN QUYẾT KHI NHẬN ĐỒ ÁN/ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
(Đính kèm Kế hoạch thực hiện tốt nghiệp số: M0 /KH-CĐXD ngày 14 tháng 02 năm 2025)

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
I. Ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng					
A. Đối với Khoá 2020:			14		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở ngành	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506006	Đồ án kỹ thuật thi công	2	Chuyên ngành	
4	23506010	Đồ án tổ chức thi công	2	Chuyên ngành	
5	23501105	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
6	23401117	Thực tập tốt nghiệp ngành Xây dựng	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021, Khóa 2022			14		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở ngành	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506127	Thực hành lập biện pháp KTTC	2	Chuyên ngành	
4	23506128	Thực hành lập biện pháp TCTC	2	Chuyên ngành	
5	23501109	Thực hành kết cấu BTCT	2	Chuyên ngành	
6	23401117	Thực tập tốt nghiệp ngành Xây dựng	3	Chuyên ngành	
II. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông					
A. Đối với Khoá 2020:			11		
1	23503116	Thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
2	23503113	Thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
3	23503104	Đồ án thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
4	23503102	Đồ án thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
5	23503117	Thực tập tốt nghiệp ngành giao thông	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021, Khóa 2022			10		
1	23503116	Thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
2	23503121	Thi công đường ô tô	3	Chuyên ngành	
3	23503118	Đồ án thiết kế đường ô tô	1	Chuyên ngành	
4	23503122	Đồ án thi công đường ô tô	1	Chuyên ngành	
5	23503117	Thực tập tốt nghiệp ngành giao thông	3	Chuyên ngành	
III. Ngành Quản lý tòa nhà			11		
1	23602122	Quản lý vận hành tòa nhà	3	Chuyên ngành	
2	23602119	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	Chuyên ngành	
3	23602113	Bảo trì sửa chữa công trình	3	Chuyên ngành	
4	23602120	Thực tập tốt nghiệp ngành Quản lý tòa nhà	3	Chuyên ngành	



Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
IV. Ngành Quản lý xây dựng					
A. Đối với Khoá 2020:			10		
1	23601102	Định mức đơn giá	2	Chuyên ngành	
2	23601103	Dự toán xây dựng	3	Chuyên ngành	
3	23601110	Tin học trong QLXD	2	Chuyên ngành	
4	23600103	Thực tập tốt nghiệp ngành QLXD	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021, Khóa 2022			12		
1	23601106	Kinh tế xây dựng	2	Cơ sở ngành	
2	23601102	Định mức đơn giá	2	Chuyên ngành	
3	23601103	Dự toán xây dựng	3	Chuyên ngành	
4	23601110	Tin học trong QLXD	2	Chuyên ngành	
5	23600103	Thực tập tốt nghiệp ngành QLXD	3	Chuyên ngành	
V. Ngành Cấp, thoát nước					
A. Đối với Khoá 2020:			7		
1	23700104	Đồ án thiết kế hệ thống cấp nước	2	Chuyên ngành	
2	23700105	Đồ án thiết kế hệ thống thoát nước	2	Chuyên ngành	
3	23700120	Thực tập tốt nghiệp ngành cấp thoát nước	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021:			5		
1	23700128	Đồ án mạng lưới cấp nước	1	Chuyên ngành	
2	23700130	Đồ án mạng lưới thoát nước	1	Chuyên ngành	
3	23700120	Thực tập tốt nghiệp ngành cấp thoát nước	3	Chuyên ngành	
C. Đối với Khóa 2022:			6		
1	23700128	Đồ án mạng lưới cấp nước	1	Chuyên ngành	
2	23700130	Đồ án mạng lưới thoát nước	1	Chuyên ngành	
3	23700131	Đồ án cấp thoát nước công trình	1	Chuyên ngành	
4	23700120	Thực tập tốt nghiệp ngành cấp thoát nước	3	Chuyên ngành	
VI. Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng					
A. Đối với khoá 2020			15		
1	23900118	Vật liệu xây dựng	3	Cơ sở ngành	
2	23900103	Công nghệ bê tông	3	Chuyên ngành	
3	23900104	Công nghệ gốm sứ xây dựng	3	Chuyên ngành	
4	23900108	Kỹ thuật sản xuất chất kết dính	3	Chuyên ngành	
5	23900115	Thực tập tốt nghiệp ngành VLXD	3	Chuyên ngành	
B. Đối với khoá 2021, 2022			12		
1	23900118	Vật liệu xây dựng	3	Cơ sở ngành	
2	23900103	Công nghệ bê tông	3	Chuyên ngành	
3	23900104	Công nghệ gốm sứ xây dựng	3	Chuyên ngành	
4	23900115	Thực tập tốt nghiệp ngành VLXD	3	Chuyên ngành	



 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 VIỆT NAM

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
VII. Ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc					
A. Đối với Khoá 2020			15		
1	24201101	Cấu tạo kiến trúc 1	3	Cơ sở ngành	
2	24202111	Thiết kế kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
3	24202103	Đồ án kiến trúc 3	2	Chuyên ngành	
4	24202104	Đồ án kiến trúc 4	2	Chuyên ngành	
5	24202106	Đồ án kiến trúc 6	2	Chuyên ngành	
6	24202114	Thực tập tốt nghiệp ngành Kiến trúc	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021			13		
1	24201124	Cấu tạo kiến trúc	3	Cơ sở ngành	
2	24202111	Thiết kế kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
3	24202103	Đồ án kiến trúc 3	2	Chuyên ngành	
4	24202104	Đồ án kiến trúc 4	2	Chuyên ngành	
5	24202114	Thực tập tốt nghiệp ngành Kiến trúc	3	Chuyên ngành	
C. Đối với Khóa 2022:			11		
1	24201124	Cấu tạo kiến trúc	3	Cơ sở ngành	
2	24202111	Thiết kế kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
3	24202103	Đồ án kiến trúc 3	2	Chuyên ngành	
4	24202114	Thực tập tốt nghiệp ngành Kiến trúc	3	Chuyên ngành	
VIII. Ngành Thiết kế nội thất					
A. Đối với Khoá 2020			14		
1	24201117	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	Chuyên ngành	
2	24201118	Vật liệu và kỹ thuật hoàn thiện nội thất	2	Chuyên ngành	
3	24202115	Đồ án nội thất 1	2	Chuyên ngành	
4	24202116	Đồ án nội thất 2	2	Chuyên ngành	
5	24202118	Đồ án nội thất 4	2	Chuyên ngành	
6	24202119	Thực tập tốt nghiệp ngành TKNT	3	Chuyên ngành	
B. Đối với khoá 2021			13		
1	24201117	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	Chuyên ngành	
2	24201131	Vật liệu và kỹ thuật hoàn thiện nội thất	3	Chuyên ngành	
3	24202116	Đồ án nội thất 2	2	Chuyên ngành	
4	24202118	Đồ án nội thất 4	2	Chuyên ngành	
5	24202119	Thực tập tốt nghiệp ngành TKNT	3	Chuyên ngành	
C. Đối với khoá 2022			11		
1	24201117	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	Chuyên ngành	
2	24201131	Vật liệu và kỹ thuật hoàn thiện nội thất	3	Chuyên ngành	
3	24202118	Đồ án nội thất 4	2	Chuyên ngành	
4	24202119	Thực tập tốt nghiệp ngành TKNT	3	Chuyên ngành	



Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
IX. Ngành Trắc địa công trình (khóa 2023)			9		
1	23506124	Vẽ bản đồ	2	Chuyên ngành	
2	23506113	Lập lưới khống chế đo vẽ	2	Chuyên ngành	
3	23506115	Sử dụng máy toàn đạc điện tử	3	Chuyên ngành	
4	23506116	Thực tập tốt nghiệp ngành Trắc địa	2	Chuyên ngành	